

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, SINH HOẠT KINH TẾ VÀ ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN MINH HÓA CUỐI THẾ KỶ XIX

CN. TRẦN THỊ DIỆU HỒNG
Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình

Minh Hóa là một huyện phía Tây của tỉnh Quảng Bình. Nằm ở tọa độ 17° 28'30" độ vĩ Bắc, 105°6'25" độ kinh Đông. Là vùng đất gắn với sự hình thành và phát triển tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình di cư, cư dân Minh Hóa dần ổn định, tiếp tục khai phá để tạo lập làng xây dựng quê hương. Cho đến gần cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xâm lược hoàn toàn nước ta, chúng dùng các thủ đoạn cấu kết với bọn phong kiến tay sai và với chính sách khai thác thuộc địa để tận thu các nguồn tài nguyên, bóc lột nguồn nhân lực rẻ mạt, thực dân Pháp bóc lột nhân dân Quảng Bình đến tận xương tủy và Minh Hóa cũng nằm trong tình cảnh đó. Chính sách khai thác, bóc lột, thống trị của thực dân phong kiến đã làm cho người dân Minh Hóa lâm vào cảnh cùng cực, bế tắc.

Để hiểu rõ hơn về vùng đất Minh Hóa cuối thế kỷ XIX, trong phạm vi tham luận này, tác giả nêu một số đặc điểm về dân cư và sinh hoạt kinh tế, văn hóa của địa bàn Minh Hóa, nhằm làm rõ về một giai đoạn lịch sử trong dòng chảy lịch đại của dân tộc, để từ đó rút ra những bài học cho các thế hệ nối tiếp nhằm bảo tồn và gìn giữ những bản sắc văn hóa dân tộc, trân trọng những gì mà ông cha ta để lại.

Theo sử cũ, địa bàn Minh Hóa là mảnh đất của quốc gia Đại Việt dưới thời nhà Lý. Tiếp sau đó là nhà Trần, Lê, Nguyễn. Trong Phủ biên tạp Lục của Lê Quý Đôn thì Minh Hóa thuộc châu Bắc Bố Chính, có nguồn Cơ Sa và Kim Linh. Cơ Sa gồm 7 thôn, Kim Linh gồm 8 thôn. Trong Đại Nam nhất thống chí tập 2 về phủ Quảng Bình thì Minh Hóa có 2 nguồn Kim Linh và Cơ Sa. Kim Linh có 5 thôn: Bộc Thọ, Vân Liêm, Kim Bảng, Lỗ Hương và Tứ Nê. Cơ Sa gồm có Thanh Long, Quy Đạt, Yên Đức, Cầu Lương, Ba Nương.¹ Nguồn Kim Linh có phường Cao Mại, trước có đặt sở tuần phủ, đến năm Gia Long thứ 18, các đồn trú phòng ven núi đều bãi bỏ.² Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), tỉnh Quảng Bình được thành lập. Minh Hóa có dân cư thưa thớt, bao gồm tổng Cơ

¹. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập 2, quyển 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994, tr.56.

². Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, Sdd, tr.58.

Sa, tổng Kim Linh và tổng Thanh Lạng³ (nằm trong huyện Tuyên Hóa). Nhưng mãi đến năm 1874, dưới thời vua Tự Đức thứ 27, huyện Minh Hóa mới được thành lập là đất do tổng Thượng Lưu miền thượng lưu huyện Minh Chính tách ra. Trong Quốc triều chính biên toát yếu quyển 5 có viết về huyện Minh Hóa: Đặt huyện Minh Hóa ở Quảng Bình (miền thượng du phủ Quảng Trạch) có 2 nguồn Kim Linh và Cơ Sa cả thảy 2 nguồn, 7 sách, địa thế xa cách, phủ ấy khó coi khắp”.⁴ Theo Đồng Khánh dư địa chí thì vùng đất Minh Hóa gồm cả Tuyên Hóa và Minh Hóa. Thuộc tổng Thượng Lưu. Có 20 xã thôn, phường. Có 2 nguồn Kim Linh và Cơ Sa, 7 sách, 15 làng. Sở lý đóng tại Đồng Lê.⁵ Như vậy đến gần cuối thế kỷ XIX, địa bàn Minh Hóa về cơ bản thực dân Pháp đã bình định xong. Diện tích toàn huyện 141.006ha.

Minh Hóa có diện tích đồi núi và hệ thống dãy núi đá vôi Kẻ Bàng bao bọc. Đất đai trồng trọt chưa đến 3,98%. Còn lại là đất rừng đa dạng. Sách Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn có ghi: rừng rất là tốt, rộng, dân định cư 12 tuổi là chịu việc quan, 70 tuổi là lão. Đình điền không phải nộp thuế.⁶

Năm 1888, sau khi phong trào Cần Vương thất bại, vua Hàm Nghi bị bắt, một số tướng lĩnh của phong trào bị bắt và giết, địa bàn Minh Hóa rơi vào tay thực dân Pháp. Hàng ngũ tay sai dưới sự chỉ đạo của tên toàn quyền Pôn Đume, đã bắt tay vào việc thực hiện chế độ cai trị, bóc lột nhân dân Minh Hóa thông qua hệ thống quan lại phong kiến ở địa phương.

1. Đặc điểm dân cư Minh Hóa cuối thế kỷ XIX

Hàng năm chính quyền tay sai lập sổ đình để nắm dân số của toàn huyện. Cứ 5 năm nộp sổ đình bạ. Từ dân đến chức sắc đều đăng ký sổ đình. Cư dân Minh Hóa sinh sống rải rác trong các xã, thôn, sách của 2 nguồn Cơ Sa và Kim Linh, nhưng mật độ dân cư thưa thớt. Một bộ phận dân tộc thiểu số nói ngôn ngữ Việt - Mường thuộc nhóm người Chứt, Bru - Vân Kiều (Khùa) sống ở vùng núi cao gồm khoảng hơn 300 người. Toàn bộ dân số huyện Minh Hóa có khoảng 1.348 người.⁷ Sổ đình của Minh Hóa: Chức sắc miễn sai dịch 43 người,

³. Tổng Cơ Sa có: Thôn Quy Đạt, phường Quy Hợp, thôn Tân Kiều, thôn Thanh long, thôn Tân Sum, thôn An Đức, thôn Ba Nương, phường Tân Hợp, phường Tân Xuân, phường Tân An, thôn Đa Năng, xã lâm Sum, phường Lương Năng. Tổng Kim Linh có: thôn Cổ Liêm, thôn Kim Bảng, phường Ca Nheo, sách Cát Đặng, sách Lương Năng, thôn An Thọ, thôn Tân Lý, thôn Lạc Thiện, thôn Gia Ốc. Tổng Thanh Lạng có 3 xã: Thanh Lạng, Thanh Thạch, Bái Đức, phường Kim Trinh.

⁴. Quốc sử quán triều Nguyễn, Quốc triều chính biên toát yếu, của Cao Xuân Dục thế kỷ XX, tr. 197.

⁵. Đồng Khánh dư địa chí, Mục Quảng Bình, tài liệu Hán nôm, bản dịch, sách trên mạng, tr.1359.

⁶. Theo Lịch sử Đảng bộ Minh Hóa, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Minh Hóa, ấn hành năm 2000.

⁷. Theo Lương Duy Tâm, Địa lý - Lịch sử Quảng Bình, Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình, xuất bản 1998, tr. 94.

chánh nạp 185 người, ngạch binh: lính Kinh 4 người, lính tinh 45 người. Cư dân các dân tộc thiểu số sinh sống thành từng nhóm người tạo thành bản nhỏ, chỉ có ít nhà, một số sinh sống trong các hang động, mái đá. Nhà chỉ dựng tạm bằng tranh tre nứa lá. Sách Đồng Khánh dư địa chí nói về các tộc người này: Người thượng ở các nguồn Sách vùng thượng du đầu nguồn thì dã man, chỉ biết dùng dao đào lỗ tria hạt, đi lấy mật ong đem bán để kiếm sống. Họ thấy đất chỗ nào có nguồn lợi thì dựng lều lán rải rác ở những chỗ ấy để ở. Những nhà trồng trọt thì đặt một giường thờ, ngoài ra trải một chiếc chiếu để nằm ngồi xung quanh bếp lửa.⁸ Người Kinh (Nguồn) chiếm 2/3 dân số toàn huyện, sống quần cư trong trong các thung lũng gần sông suối hoặc vùng trũng, nhưng mật độ dân cư khá thưa thớt. Người dân Minh Hóa sống trong sự kiểm soát của chính quyền thực dân phong kiến, nhưng cũng rất thờ ơ với bên ngoài, họ cố gìn giữ các bản sắc văn hóa làng, bản và những tập tục truyền thống của cha ông. Tri cự huyện Tuyên Hóa Trần Mạnh Đoàn đã cho rằng: người Tuyên Hóa (bao gồm cả Minh Hóa) cứng đầu, lười biếng, thích chè chén, thích lập bè phái... quen sống với cuộc sống mọi rợ và cổ xưa.

Đặc điểm chính của cư dân Minh Hóa là sinh sống bằng nghề nông. Song công việc đồng áng không giữ chặt được người nông dân vào làng quê mà ngoài thời gian làm nương rẫy, người dân Minh hóa vào rừng khai thác lâm thổ sản, đốt than, lấy mật ong, sáp ong,... Sách Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn cũng cho rằng: Các Sách ở đầu nguồn châu Nam Bố Chính, trước do quan trấn thủ thu tiền thuế hàng năm và tiền hương vị 60 quan”.

Năm 1887, thực dân Pháp tăng thuế, trong đó thuế thân tăng từ 0 đồng 50 lên 2 đồng 30. Thuế ruộng từ 1 đồng 1 mẫu hạng nhất lên 1 đồng 50, cộng với lao dịch hà khắc (người dân phải lao dịch cho nhà nước 60 ngày) làm cho đời sống của cư dân Minh Hóa rất khổ cực. Lại thêm bệnh dịch hoành hành, hạn hán, bão lũ, dẫn đến mất mùa đói kém liên miên, đời sống của nông dân Minh Hóa lâm vào bước đường cùng. Đất đai thì ít nhưng lại chất lượng không cao, ruộng đất tốt tập trung trong tay địa chủ cường hào. Toàn bộ đất đai Minh Hóa bị sụt giảm chỉ còn 1.296 mẫu ruộng, 423m đất. Các nguồn Cơ Sa, Kim Linh không có ruộng phải đóng thuế bằng sản vật là sáp ong, mật ong, vải hoa, gà voi... Thuế ruộng đất chia làm ba hạng: Nhất đẳng nộp 20 thăng, nhị đẳng nộp 15 thăng, tam đẳng nộp 10 thăng. Mỗi người dân phải đóng thuế thân 1, 2 quan tiền. Thuế đinh, thuế môn 1 tiền, cước mễ 2 bát gạo. Toàn huyện Minh Hóa phải đóng 1.101 quan tiền và 905 hộc thóc, 25 thúng 1 vốc 6 năm 3 lẽ.⁹ Thuế đóng chủ yếu bằng sáp ong sừng tê, mật ong,...

Cuối thế kỷ XIX, toàn huyện Minh Hóa người Kinh (Nguồn) chiếm 2/3

⁸. Đồng Khánh dư địa chí, Sđd, tr.1437.

⁹. Đồng Khánh dư địa chí, Sđd, tr.1359.

dân số. Nguồn gốc của dân cư này có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng theo gia phả của một số họ tộc như họ Đinh ở Quy Đạt thì nguồn gốc từ Thanh Hóa, Nghệ An vào từ thế kỷ XV-XVI. Chính họ đã tạo nên hệ ứng xử trong điều kiện sống mới. Căn cứ vào các vết tích văn hóa của người Việt lên sinh sống cạnh nhóm người Chứt, Bru - Vân Kiều, trải qua những biến động lịch sử, qua các cuộc chinh phục mở rộng cương vực với nhiều lý do khác nhau, cư dân các dân tộc đã chọn Minh Hóa làm nơi trú ngụ, sinh cơ lập nghiệp. Riêng nhóm người dân tộc thiểu số Chứt, Bru - Vân Kiều (Khùa) có ý kiến lại cho rằng tổ tiên của họ từ đồng bằng lên. Nhà nghiên cứu Nguyễn Hữu Thông thì cho rằng do quá trình di dân của người Kinh đã đẩy nhóm người Chứt lên vùng núi cao sinh sống. Họ chịu ảnh hưởng và có mối quan hệ với người Kinh (Nguồn). Cho nên khi phong trào Cần Vương của Hàm Nghi dấy lên, Minh Hóa trở thành đại bản doanh, sơn triều của vua Hàm Nghi chống lại thực dân Pháp, nhân dân các dân tộc Minh Hóa tuy dân số không đông nhưng đã ủng hộ sức người, sức của, đoàn kết với người Kinh và tham gia đánh Pháp.¹⁰ Như vậy cuối thế kỷ XIX, cư dân trên địa bàn Minh Hóa sinh sống chủ yếu là người Việt, ngoài ra có một số người dân tộc thiểu số nhóm Chứt sống ở miền núi cao. Một ít là người Khùa (nhóm Bru - Vân Kiều). Các nhóm sống tương đối cách biệt nhau về cương vực địa lý và mối liên hệ về các mặt kinh tế - văn hóa - xã hội cũng hết sức mờ nhạt. Có một số luận giải lại cho rằng nhóm dân tộc thiểu số cư trú từ trước, do quá trình di dân, chiến tranh,... mà số dân của Minh Hóa trong những năm cuối thế kỷ XIX đã ổn định tại địa bàn tùy thuộc vào nơi cư trú, đơn vị hành chính. Trong quá trình sinh sống, nhân dân Minh Hóa đã đoàn kết, cùng trao đổi kinh tế, văn hóa, cùng chung lưng đấu cật, xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Sự khác biệt về đặc điểm của cư dân Minh Hóa thời kỳ này là địa điểm cư trú của các tộc người đã được xác định. Phân bố rải rác, không đều nhau. Người Kinh cư trú vùng thấp hơn, rồi đến các dân tộc thuộc nhóm người Chứt và người Khùa (Bru - Vân Kiều). Sinh sống ở vùng núi cao, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, cả huyện chỉ có một con đường giao thông đi lại, do đó điều kiện cư trú của cư dân Minh Hóa cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp thực thi chính sách bóc lột theo chủ trương khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên của Minh Hóa. Địa bàn cư trú của người dân miền núi phải sống dựa vào những vùng có nguồn tài nguyên dồi dào, gần nguồn nước, có sẵn trong tự nhiên, thuận tiện cho cuộc sống sinh hoạt, sản xuất và khai thác các sản vật từ rừng. Riêng đối với người Kinh (Nguồn) thì điều kiện địa lý tự nhiên là yếu tố rất thuận lợi cho việc cư trú thành

¹⁰. Ông Hồ Quân xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa có ông nội là Hồ Huân tham gia phong trào Cần Vương, công vua Hàm Nghi chạy trốn tránh sự truy lùng của thực dân Pháp, hiện thanh kiếm của ông lưu giữ tại Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình.

làng trong một vùng không gian rộng lớn. Mặc dù lúc này dân số của người Kinh không nhiều, họ cũng chọn những nơi có điều kiện thiên nhiên thuận tiện để định cư thành làng bản. Mọi thiết chế về làng xã đã xác định bởi hệ thống quan lại do chính quyền thực dân Pháp chỉ định. Một số quan lại có thể mua chức quan bằng tiền. Để đối phó với tình trạng quản bách này, triều đình (thời Tự Đức) còn bắt chước mấy triều đại trước là cho bán phẩm hàm, quan tước. Ai quyên cho nhà nước 1.000 quan tiền thì được hàm cửu phẩm, 10.000 quan tiền được hàm lục phẩm,...”¹¹ Đặc điểm sống của người Kinh cũng gần giống với người cư dân các dân tộc thiểu số. Mặc dù, thực dân Pháp cấu kết với giai cấp địa chủ, phong kiến du nhập chủ nghĩa tư bản vào Quảng Bình, nhưng Minh Hóa là địa bàn vùng núi cao, giao thông đi lại khó khăn, cuộc sống của cư dân Minh Hóa vì thế rất lạc hậu, không phát triển. Các làng, sách, thôn đều có quy mô nhỏ: “Những ngôi nhà được dựng lên một cách tùy tiện, phụ thuộc vào địa hình, địa vật nơi cư trú, khoảng cách dài ngắn giữa chúng cũng khác nhau”.¹² Đại Nam nhất thống chí lại nói về cư dân Minh Hóa: “Phong tục và ngôn ngữ hơi khác, nhà ở dựa vào núi, không có ruộng sâu, chỉ có đất cao gieo trồng về mùa thu và thu hoạch về mùa hè, dùng lửa đốt nương, dùng dao cày đất”.¹³

Cư dân Minh Hóa cuối thế kỷ XIX gồm nhiều thành phần tộc người nhưng có chung đặc điểm là có truyền thống đoàn kết, gắn bó, thương yêu đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau mỗi khi có sự kiện xảy ra. Tháng 10 năm 1885, khi vua Hàm Nghi lấy địa bàn Minh Hóa làm sơn triều kháng chiến chống lại thực dân Pháp, nhân dân trong toàn huyện mặc dù gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, song vẫn một lòng giúp đỡ, ủng hộ lương thực, vận động động viên chồng, con, cha mẹ tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Mặc dù bản thân họ và gia đình cũng là người phải gánh chịu nhiều đau thương, tổn thất trước sự đàn áp khốc liệt của thực dân Pháp. Nhân dân Minh Hóa đã đóng góp tích cực cho sự tồn tại của “Kinh đô kháng chiến” Hàm Nghi. Những đóng góp của cư dân Minh Hóa đã khiến cho nơi đây trở thành trung tâm Cần Vương để nhân dân cả nước gửi gắm tin yêu. Nhân dân Minh Hóa có công lao to lớn vào cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta cuối thế kỷ XIX chống lại thực dân Pháp. Đó là niềm tự hào cho những thế hệ người dân Minh Hóa tiếp nối trong sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc sau này.

2. Sinh hoạt kinh tế của địa bàn Minh Hóa cuối thế kỷ XIX

Sau khi bình định xong, thực dân Pháp bắt tay vào thực hiện chính sách khai thác thuộc địa. Ở Minh Hóa, thực dân Pháp vẫn còn đầu tư dè dặt, bởi cho

¹¹. Nguyễn Khắc Thái, Lịch sử Quảng Bình từ khởi thủy đến thế kỷ XX, UBND tỉnh Quảng Bình, 2014, tr.534.

¹². Thông tin Khoa học số tháng 3 năm 2003, Phân viện Văn hóa Nghệ thuật miền Trung, tr.69.

¹³. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập 2, quyển 3, Nxb Thuận Hóa, tr.56, 57.

dù phong trào Hàm Nghi tuy đã thất bại, vua Hàm nghi bị bắt, một số tướng lĩnh, sĩ phu yêu nước bị Pháp giết hại, nhưng ngọn lửa yêu nước của nhân dân Minh Hóa vẫn âm ỉ cháy. Địa bàn Minh Hóa rừng núi hiểm trở, tài nguyên phân tán, do vậy thực dân Pháp dựa vào một số tay sai là quan lại địa chủ phong kiến và các tù trưởng ở các bản dân tộc thiểu số ở Minh Hóa để tận thu thuế và các nguồn tài nguyên của 2 tổng Cơ Sa và Kim Linh và các sách. Để khuyến khích và tăng dân khai thác ở địa bàn, toàn quyền Pôn Đu-me ra quy định về chế độ lao dịch ngày 30/10/1897. Tiếp đến ngày 20/7/1898, toàn quyền Đông Dương Pôn Đu-me ra quy định đặt giải thưởng hàng năm cho các chủ đồn điền.¹⁴ Ngày 14/8/1898, vua Thành Thái ra dụ về các vấn đề thuế thân, thuế ruộng đất, dụ dân đinh từ 18 tuổi đến 60 tuổi đều phải đóng thuế thân. Mức đóng 0 đồng 40 (ngoại dịch), nội đinh 0 đồng 20; thuế ruộng đất chia 4 hạng. 1 đồng 50 trên một mẫu/năm, hạng nhì: 1 đồng 20, hạng 3: 0 đồng 80. Đất chia 6 hạng quy định cách thức thu và nộp thuế. Lý trưởng và kỳ hào các làng xã có nhiệm vụ lập danh sách những người đóng thuế của làng mình để thu thuế.¹⁵ Do nông nghiệp thuần túy, diện tích canh tác không lớn, nền kinh tế lẩn quẩn trong vòng lạc hậu, manh mún, tự cung tự cấp. Cộng với điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt và chính sách bóc lột dã man về kinh tế đã làm cho người dân Minh Hóa ngày càng kiệt quệ, rơi vào cảnh bần cùng, không đủ sức duy trì ruộng đất của mình phải đi cầm cố cho địa chủ cường hào, gán nợ. Người dân vẫn duy trì kinh tế nông nghiệp trồng lúa và khai thác các sản vật trên rừng để đóng thuế. Đời sống của nhân dân Minh Hóa càng lún sâu vào cùng quẫn. Nền kinh tế không phát triển bởi đất đai xấu, lại không có đất phải đi làm thuê, cuộc mưu sinh. Nhân dân cả người Kinh lẫn người Thượng đều phải vào rừng khai thác các sản vật gỗ, mây, song tre, mật ong, sáp ong, ngà voi và các loại dược liệu quý. Những hoạt động khai thác tự nhiên mang tính thường xuyên đưa đến nguồn thu nhất định có sự hợp lý về thời vụ và được sử dụng hiệu quả. Họ có kinh nghiệm trong khai thác các sản vật tự nhiên. Đó chính là nguồn sống của họ. Có loại thuế như ngà voi khai thác không có, phải xin đóng bằng tiền: “Ngà voi nguyên lệ phải nộp thuế, sau xét thứ này không kiếm được thường xuyên, hàng năm không lấy gì mà nộp được nên đã xin ơn trên cho chiết nộp bằng tiền”.¹⁶

Vào những năm 1897-1898, chính sách nô dịch của thực dân Pháp đánh thẳng vào tài nguyên nông nghiệp là cơ sở vật chất duy nhất của của nhân dân Minh Hóa làm cho đời sống của nhân dân vốn đã khó lại càng khó hơn. Ruộng đất canh tác bình quân đầu người chưa đến 5 sào Trung Bộ. Ruộng đất bị bao

¹⁴. Dương Kinh Quốc, Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918, Nxb Giáo dục, 2006, tái bản lần 2, tr.248.

¹⁵. Dương Kinh Quốc, Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1998, Sđd, tr.251.

¹⁶. Đồng Khánh dư địa chí, Sđd, tr.1359.

chiếm, kể cả tài nguyên rừng. Ở Minh Hóa lúc này một ha sản xuất trung bình 10-14 tạ. Chủ yếu trồng lúa ở ruộng cạn khô và trồng ngô ở các bãi bồi của các sông suối. Ngoài ra trồng thêm sắn, đậu đỗ, kê,... Nhân dân phải lên rừng tìm chỗ đất tốt phát rẫy, xẻ rộng, đốt và chọc lỗ tria hạt. Họ tham gia vào các hoạt động săn bắn tập thể, thuốc cá,... Hình thái kinh tế của người Kinh và người dân tộc thiểu số mang hình thái kinh tế hái lượm. Hình thái kinh tế này đóng vai trò quyết định đối với hoạt động kinh tế của người Minh Hóa cuối thế kỷ XIX. Ngoài những hình thái kinh tế này, người Minh Hóa vẫn duy trì các hình thái cũ trước đó. Họ kết hợp kinh tế nương rẫy với ruộng vãi cùng với chăn nuôi gà, lợn, trâu bò để duy trì cuộc sống. Một số làng, bản, sách có duy trì nghề nuôi tằm, ươm tơ dệt vải như ở Ba Nương, Tân Kiều,... trồng thuốc lá, chăn nuôi trâu ở Quy Đạt, ngoài việc sử dụng trong đời sống còn để bán cho các nơi khác.

Như vậy, cuối thế kỷ XIX, trên địa bàn toàn huyện Minh Hóa, đời sống sinh hoạt kinh tế của nhân Minh Hóa vô cùng cực khổ. Kinh tế không phát triển, tự cung tự cấp, manh mún, nhân dân nghèo đói. Ruộng đất bị bao chiếm, nhân dân phải làm thuê, cuốc mướn, phải vào rừng khai thác các nguồn sản vật thiên nhiên để trang trải cuộc sống và để đóng thuế cho chính quyền thực dân, phong kiến. Tình trạng kinh tế hoang dã vẫn duy trì lối sống tước đoạt trong một số bộ phận dân tộc thiểu số thuộc nhóm người Chứt và Bru - Vân Kiều (Khùa) ở miền núi rẻo cao của huyện Minh Hóa. Do vậy mật độ dân cư phân bố không tập trung và dân cư rất thấp. Mặt khác, giao thông đi lại trên địa bàn huyện lúc này không được khai thác. Chỉ dựa trên những lối mòn nhỏ tự khai thác để làm nương rẫy, đi săn bắn, hái lượm, tìm nguồn lâm thổ sản mà thành. Một bộ phận đông đảo các dân tộc thuộc nhóm Chứt, Bru - Vân Kiều kể cả người Kinh (Nguồn) không đủ lương thực để ăn. Sống cuộc sống du canh du cư, tìm những nơi gần nguồn nước, các hang động mái đá để ở. Đa số nhóm tộc người này không có áo quần để mặc. Phương tiện sống cũng nghèo nàn, lạc hậu. Họ trồng cây, tria hạt bằng gậy chọc lỗ. Đàn ông ở trần đeo khố, đàn bà mặc áo quần là váy, ở trần phần nửa người trên, trẻ em hầu như ở trần. Tình trạng này phổ biến đối với nhóm người dân tộc thiểu số. Còn đối với nhóm người Kinh (Nguồn) có đỡ hơn. Họ sống định cư trong các làng, có điều kiện hơn vì hệ thống chính quyền tay sai và các thiết chế được duy trì đến tận thôn. Các hoạt động kinh tế nhằm duy trì để thực thi các chính sách do thực dân Pháp đưa xuống.

Trong những năm gần cuối thế kỷ XIX, những hoạt động kinh tế trên địa bàn Minh Hóa rất sơ khai. Kinh tế nương rẫy quá lạc hậu, hình thức canh tác thô sơ, chấp nhận cuộc sống dựa vào khai thác tài nguyên rừng để phục vụ đời sống của chính bản thân và gia đình. Nhờ vào điều kiện thiên nhiên của rừng Minh Hóa đưa lại mà họ có cơ hội để khai thác, tự cung tự cấp và đóng thuế cho

chính quyền thực dân phong kiến. Kinh tế lạc hậu, thấp kém, chăn nuôi không phát triển là đặc điểm chung của toàn huyện Minh Hóa. Giai cấp địa chủ phong kiến ra sức bòn rút đến tận xương tủy người dân Minh Hóa, do vậy “Khi họ bị xô đẩy lên sinh sống, do bị áp bức dân tộc, ngoại xâm nên tộc người này phải chịu một quá trình thoái hóa rất rõ rệt về nhiều mặt, đặc biệt về văn hóa vật chất”.¹⁷

Tóm lại, những năm cuối thế kỷ XIX, sinh hoạt kinh tế của Minh Hóa phong phú về loại hình, bao gồm cả hình thái kinh tế nguyên thủy như đánh bắt cá, săn bắn, hái lượm của nhóm người dân tộc thiểu số nhóm Chứt, Bru - Vân Kiều (Khùa), khai thác tự nhiên các sản vật của rừng như gỗ, củi, than đến nguồn dược liệu, thực phẩm cho đời sống, cho trao đổi lấy muối và để đóng thuế cho triều đình phong kiến, thực dân và hình thái kinh tế nông nghiệp như trồng lúa trên ruộng khô, trên nương rẫy của người Kinh, Chứt,... Đời sống của người Minh Hóa từ kinh tế nông nghiệp đôi khi không đủ duy trì cuộc sống của họ vì đất đai không thuộc sở hữu, bị bao chiếm ruộng đất bởi địa chủ phong kiến, dẫn đến tình trạng nông nghiệp lạc hậu, què quặt, không phát triển. Đời sống kinh tế quá nghèo nàn, quan hệ lưu thông buôn bán, trao đổi hàng hóa, trao đổi kinh nghiệm trong lao động sản xuất dường như không có. Mỗi dây liên hệ họ hàng, dòng tộc vì thế cũng rất mỏng manh. Đời sống nhân dân hầu như chủ yếu dựa vào kinh tế khai thác, tước đoạt tự nhiên. Mặc dù với nền kinh tế tự nhiên tự cung, tự cấp là chủ yếu, nhưng nhân dân Minh Hóa vẫn cố gắng để duy trì cuộc sống của mình. Với tinh thần đoàn kết trong cộng đồng các làng xã, đời sống văn hóa tinh thần của Minh Hóa vẫn được duy trì, gìn giữ và phát triển.

3. Đời sống văn hóa của Minh Hóa cuối thế kỷ XIX

Với đặc điểm dân cư gồm nhiều thành phần, sinh sống rải rác khắp toàn huyện, nhiều tộc người với bản sắc riêng biệt. Minh Hóa là vùng đất nằm trong vùng giao thoa giữa 2 nền Văn hóa Đông Sơn phía Bắc và Sa Huỳnh phía Nam đã tạo cho Minh Hóa có nền văn hóa đa dạng, giàu bản sắc dân tộc. Cuối thế kỷ XIX, đời sống văn hóa của cư dân Minh Hóa cũng duy trì sự đa dạng trong sắc thái văn hóa, nhưng vẫn thống nhất trong mỗi cộng đồng các tộc người. Tuy nhiên do dân số ít, mật độ dân cư thấp, kinh tế kém phát triển, lạc hậu và què quặt, tất yếu dẫn đến đời sống văn hóa cũng rất đa dạng, phong phú và mỗi dân tộc có một sắc thái riêng.

Do có nhiều tộc người cùng sinh sống, do địa bàn cư trú cùng điều kiện thiên nhiên và điều kiện xã hội đã dẫn đến sự đa dạng về bản sắc trong văn hóa

¹⁷. Nguyễn Văn Mạnh, Vài suy nghĩ về cộng đồng tiền Việt - Mường ở Bình Trị Thiên, Tạp chí Dân tộc học, số 3, 1983, tr.46.

vật chất và văn hóa tinh thần ở Minh Hóa. Đối với nhóm người Kinh sống định cư trong các sách, làng, xã, thôn thì nhà ở của họ làm theo kiểu chữ Đinh. Nhà làm 3 gian 2 chái, thường thì nhà gỗ, lợp tranh, kèo. “Nhà ở lợp lá tro, che phên nửa, cột gỗ, trái chiếu cho vua nằm, còn các quan đại thần đều nằm liếp nửa như dân chúng ở miền



Đồng bào Rục (Chứt) sinh sống trong hang Ka Rung
Bản Ôn - xã Thượng Hóa - huyện Minh Hóa.

(Ảnh chụp lại của Trọng Thanh)

này”.¹⁸ (Đoạn văn này trích tả vua Hàm Nghi lúc đang ở Minh Hóa tháng 11 năm 1888). Đối với nhóm người thuộc Chứt, Bru - Vân Kiều (Khùa) làm nhà sàn, một số làm nhà đất như nhóm tộc người Sách. Nhóm người này sống du canh, du cư, tìm chỗ đất gần nguồn nước, hay hang động, mái đá (người Mày) làm chỗ trú ngụ. Họ sống trong các bản nhỏ, dân số ít, lại ốm đau do bệnh tật không có thuốc men chữa trị dẫn đến tin vào thần linh, cúng bái để trừ tà ma (kể cả người Kinh) cũng có hiện tượng này. Nhà cửa và các tập tục phản ánh đời sống văn hóa xã hội của Minh Hóa rất lạc hậu, dân trí thấp. Các dân tộc Minh Hóa đều làm ruộng, làm nương rẫy, trồng lúa, và trong quá trình lao động sản xuất đã có trao đổi kinh nghiệm, khai thác triệt để những nguồn lợi do thiên nhiên ban tặng.

Về trang phục của người Minh Hóa cuối thế kỷ XIX cũng rất đơn giản, thô sơ. Người Kinh tự trồng dâu, nuôi tằm để dệt vải tự cung cấp cho gia đình và họ tộc. Đàn bà mang váy (quần một ống), đeo yếm. Đàn ông mặc quần áo bằng loại vải thô tự dệt, đôi khi ở trần. Ở miền núi cao, nhóm người Chứt cũng tự trang cấp cho mình các loại trang phục. Đàn ông đóng khố bằng vỏ cây, đàn bà mặc váy áo cũng bằng vỏ cây, đôi khi nửa phần trên ở trần. Trẻ em ở trần không mặc quần áo. Tóc để dài búi lên cao, đôi khi buông xả. Trang sức của phụ nữ thường là các chuỗi hạt bằng đá, hạt của các loại cây (hạt Cườm cầu), vỏ ốc; đàn ông đeo răng nanh lợn rừng hoặc móng vuốt hổ do họ tự làm lấy.

Trong đời sống văn hóa ẩm thực, người Minh Hóa từ Kinh cho đến người dân tộc thiểu số đều sử dụng lương thực chủ yếu là lúa nương rẫy chế biến để sử dụng trong bữa ăn hàng ngày. Món ăn chung nhất là món Pôi được chế biến

18. Lương Duy Tâm, Địa lý - Lịch sử Quảng Bình - Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình xuất bản 1998, tr.237.

từ hạt ngô và lúa rẫy. Ngoài ra, nguồn thực phẩm phục vụ cho bữa ăn của họ chính là nguồn thực phẩm khai thác từ rừng rất bổ dưỡng: từ thực vật cho đến động vật đưa từ rừng về như nấm hương, mộc nhĩ ở rừng, măng rừng, cà, môn rừng, rau tớn,... các loại dược liệu làm thức uống như sa nhân, sâm,... mật ong rừng khai thác để sử dụng trong đời sống. Khi nguồn lương thực không đủ sống, người Minh Hóa vào rừng tìm củ mài, củ nâu, người miền núi khai thác bột từ củ báng, thân cây Nghèng làm nguồn lương thực. Họ đã biết làm đồ uống (rượu) ủ từ các loại lá rừng, tinh bột dong, ngô, sản kết hợp một số loại lá rừng làm men ủ rượu cần, rượu đoác, biết ủ nấu rượu bằng men gạo làm thức uống trong các buổi cúng tế thần, lễ hội làng, hội rằm tháng 3, lễ cúng cơm mới,...

Cuối thế kỷ XIX, đế ru ngủ, lừa phỉnh nhân dân, thực dân Pháp và tay sai đã dùng thuốc phiện làm mồi nhử, khiến cho người dân sa vào nghiện ngập mà quên đi sự xâm lược của thực dân phong kiến. Các tập tục xấu được khuyến khích như hút thuốc lá, cờ bạc, xóc đĩa, tổ tôm len lỏi vào tận trong các thôn xóm.¹⁹ Mặc dù phương thức sản xuất



Đồng bào Rục (Chứt) sinh sống trong hang Ka Rung
Bản Ôn - xã Thượng Hóa - huyện Minh Hóa. (Ảnh chụp lại của Trọng Thanh)

tư bản chủ nghĩa đã du nhập vào Việt Nam nhưng ở Minh Hóa cũng chưa có ảnh hưởng. Văn hóa vật chất ở Minh hóa vẫn rất lạc hậu. Sản xuất vẫn đang còn thủ công. Các công cụ sinh hoạt trong gia đình đều được làm thủ công: Cày chia vôi, cối, chày và các vật dụng sinh hoạt do người dân tự sản xuất. Do điều kiện sống quá khắc nghiệt nên một số tàn dư văn hóa nguyên thủy vẫn còn tồn tại ở một số tộc người thuộc nhóm Chứt (Mày, Rục) sinh sống trong hang động, mái đá. Kinh tế hái lượm, săn bắn vẫn giữ vai trò chủ đạo ở một số tộc người Mày, Rục, sử dụng vỏ cây làm bóng đựng thức ăn. Cựu tri huyện Tuyên Hóa Trần Mạnh Đoàn đã nhận xét: “Quen sống một cuộc sống mọi rợ và cổ xưa, nằm đất bất kỳ mùa nào, có xu hướng kết hôn sớm, ăn mặc kỳ lạ: Đàn bà con gái hầu như trần truồng nên trông người rất xấu. Tiếng nói quái lạ và khó chịu,

¹⁹. Tên Trương Quang Ngọc, một trong những người địa phương tham gia hộ giá cho vua khi nhà vua ở Minh Hóa đã bị thực dân Pháp lợi dụng bằng cách đưa thuốc phiện cho Ngọc và y đã phản bội chỉ đường cho thực dân Pháp lên bắt vua Hàm Nghi năm 1888.

có lẫn tiếng mọi và tiếng Lào, thanh niên tóc xỏa đến ngang vai”.²⁰ Cuối thế kỷ XIX, ở Minh Hóa về văn hóa bị kìm hãm, nô dịch và vẫn đắm chìm trong vòng lạc hậu. Cả huyện Minh Hóa không có lấy một trường học, chỉ có 3 trường sơ yếu ở Minh Cẩm, Thanh Thủy, Lệ Sơn thuộc địa bàn huyện Tuyên Hóa. Do vậy 95% dân số mù chữ. Tuy nhiên đời sống văn hóa của Minh Hóa vẫn mang đậm bản sắc dân tộc. Mỗi tộc người có tín ngưỡng riêng. Người miền núi có tín ngưỡng đa thần pha trộn yếu tố vật linh và tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp lâu đời. Người Kinh ở 2 nguồn Kim Linh, Cơ Sa chủ yếu thờ bụt, thờ trời, thờ tổ tiên ông bà, cha mẹ. Hàng năm khi gần đến tết âm lịch có tổ chức tết giỗ sống cha mẹ. Gắn với cuộc sống của họ là các hoạt động lễ nghi liên quan đến hoạt động canh tác hay khai thác tự nhiên để tỏ lòng biết ơn và tưởng nhớ, cầu khẩn sự che chở, phù hộ của thần linh cho nhân dân. Như các lễ hội Rằm tháng ba, lễ cúng cơm mới, lễ lập lò của người Chứt, lễ cầu yên của người Khùa,... Trong các lễ hội, các sinh hoạt văn hóa cộng đồng được tổ chức tái hiện một phần đời sống lao động, sản xuất, sinh hoạt, mô phỏng diễn trình lịch sử, văn hóa kết hợp dâng tiến, cúng bái đã góp thêm bức tranh làng xã sinh động, góp phần tô đẹp đời sống tinh thần của người Minh Hóa. Các điệu hát ru, hò thuốc cá, hát lẩy kiêu, hát sắc bùa, hát ca trù, hát đối đáp giao duyên,... luôn mang đến cho người dân một sự tin tưởng, làm cho họ thêm tin yêu cuộc sống vốn rất khó khăn nhưng vẫn đầy ắp tiếng cười. Người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa nhằm cầu mong sự yên bình, nhằm thỏa mãn những ước vọng đời thường. Đó chính là những giá trị văn hóa mang đậm bản sắc tộc người mà người Minh Hóa luôn muốn gìn giữ lại những phong tục, tập quán thể hiện sự giản dị, mộc mạc trong đời sống của họ. Trong quá trình lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất, người Minh Hóa có năng lực sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần mang dấu ấn địa phương sâu sắc thông qua các hoạt động văn hóa dân gian đặc sắc như lễ hội, diễn xướng dân gian (hát ca trù ở Yên Hóa, hò thuốc cá, hát ru...), như truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, làm phong phú thêm đời sống tinh thần cho bản thân họ, gia đình và cộng đồng.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp và chính quyền phong kiến ở Minh Hóa luôn tìm cách o bế, kìm hãm sự phát triển kinh tế, do đó nhiều hiện tượng văn hóa như trạng thái cư trú, y phục, hình thức ăn uống,... của các tộc người còn trong tình trạng hoang sơ, nguyên thủy. Sách Đồng Khánh dư địa chí có nhận xét: “Đất xấu dân nghèo, nên phong tục lấy tiền tài làm trọng, tự tư tự lợi muốn chiếm phần hơn, mà có phần rẻ nhẹ tình nghĩa giúp đỡ nhau... Trong dân gian việc cưới xin, tang ma, thờ cúng ông bà đều dùng áo quần ăn mặc hàng ngày đều dè sẻn, tiết kiệm. Chỉ có các nhà quan mới chú ý đến sự trang sức... Tục

²⁰. Lương Duy Tâm, Địa lý - Lịch sử Quảng Bình, Sđd, tr.43, 44.

làng xã thờ thần, hàng năm xuân thu 2 kỳ làm cỗ rượu thịt để tế thần, cả làng ăn uống vui vẻ”.²¹ Về phong tục tập quán của người Minh Hóa cuối thế kỷ XIX cũng rất lạc hậu: “Họ chặt những ống tre để đựng đồ ăn thức uống. Quần áo và đồ dùng đại loại cũng đều như vậy cả. Càng đi lên phía trên càng xa thì lại càng hủ lậu nữa. Đó là một tộc người Thượng mà thôi”.²² Chính quyền phong kiến - thực dân thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ty vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đòi phong bại tục, khuyến khích hút thuốc phiện,... dẫn đến tình trạng đời sống văn hóa, xã hội ở Minh Hóa lạc hậu. Các hủ tục vẫn còn nhiều, ở miền núi (người Mày), mẹ sinh con bị chết thì con cũng phải chôn theo mẹ. Đau ốm không có thuốc chỉ chữa bằng thổi và cúng. Thực dân và phong kiến không quan tâm đến việc học của nhân dân. Chỉ một số quan lại có ý thức tự học chữ Hán và khi có việc cần thì chính họ là những người đứng ra để giúp dân soạn thảo các giấy tờ văn tự, khế ước. Như vậy, cuối thế kỷ XIX, thực dân pháp thực hiện các chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất, làm cho nền kinh tế Minh Hóa lạc hậu, không phát triển, cuộc sống của cư dân Minh hóa nghèo đói, văn hóa cũng bị chìm trong vòng tăm tối.

Vài lời kết luận

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp cấu kết tay sai thiết lập một bộ máy cai trị khá hoàn chỉnh ở Minh Hóa. Với chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, chúng dùng mọi thủ đoạn thâm độc bóc lột dã man về kinh tế, khốc liệt về chính trị để kìm hãm sự phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội đầu độc và truy lạc hóa nhân dân ở Minh Hóa. Kết quả đã đẩy cư dân trên địa bàn Minh Hóa vào vòng tăm tối. Dân số không phát triển vì có sinh mà không có dưỡng. Địa bàn dân cư phân bố rải rác, không đều. Đời sống nhân dân vô vùng cực khổ. Thực dân Pháp nắm độc quyền khai thác tất cả các lĩnh vực và vẫn duy trì hình thức bóc lột phong kiến, dựa vào hệ thống quan lại tận thu các thứ thuế. Kinh tế của Minh Hóa vì thế không phát triển, què quặt và lạc hậu. Một số hình thức kinh tế sơ khai vẫn được duy trì đã dẫn đến hậu quả đè nặng lên vai các tộc người thiểu số ở miền núi phía Minh Hóa và kể cả người Kinh (Nguồn) cũng ở trong tình trạng phải khai thác tài nguyên rừng Minh Hóa làm chỗ dựa cho cuộc sống và để đóng thuế cho chính quyền phong kiến thực dân.

Sống trong vòng kìm kẹp, o bế của thực dân phong kiến, nhưng nhân dân Minh Hóa vẫn lạc quan tin tưởng, đầy bản lĩnh, cần cù trong lao động, thông minh sáng tạo, trung thực, thật thà, đoàn kết, trọng tình trọng nghĩa, giàu tình yêu quê hương, đất nước. Trong khó khăn vất vả vẫn sáng tạo và tạo nên bản sắc văn hóa đậm đà chất núi rừng, gìn giữ bảo tồn bản sắc văn hóa của các dân

²¹. Đồng Khánh dư địa chí, Sđd, tr.1437.

²². Đồng Khánh dư địa chí, Sđd, tr.1437.

tộc và phát huy các giá trị văn hóa để những giá trị văn hóa đó được mãi trường tồn cho đến hôm nay và mai sau.

Tài liệu tham khảo:

1. Cao Xuân Dục, Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, quyển 3, nhóm nghiên cứu sử địa Việt Nam, Sài Gòn, 1972.
2. Đinh Thanh Dự, *Bảo tồn phát huy vốn văn hóa người Nguồn huyện Minh Hóa*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2004.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 22, Nxb Khoa học Xã hội, 1964.
4. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 3, Viện Sử học xuất bản, Hà Nội.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, quyển 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
6. *Đồng Khánh dư địa chí, Mục Quảng Bình*, Tư liệu Hán Nôm, bản dịch, Sách đọc trên mạng internet.
7. Lương Duy Tâm, *Địa lý - Lịch sử Quảng Bình*, Bảo tàng Tổng hợp Quảng Bình, 1998.
8. *Lịch sử Đảng bộ huyện Minh Hóa*, tập 1 (1930-1975), Ban Chấp hành Đảng bộ Minh Hóa, 2000.
9. *Lịch sử Đảng Bộ huyện Tuyên Hóa*, tập 1, 1996.
10. Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Nxb Giáo dục, tái bản lần 2, 2006.
11. Nguyễn Văn Mạnh, *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1996.
12. Nguyễn Văn Mạnh, *Vài suy nghĩ về cộng đồng tiền Việt - Mường*, Tạp chí Dân tộc học, số 3, 1983.
13. Phan Việt Dũng, *Quảng Bình thời khai thiết*, Liên hiệp các Hội KHKT Quảng Bình, 2010.
14. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật miền Trung*, Phân viện VHNT Huế, số tháng 3, năm 2003.
15. Lê Quý Đôn, *Phủ Biên tạp lục*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964.
16. Nguyễn Khắc Thái, *Lịch sử Quảng Bình - Từ tiền sử đến thế kỷ XX*, UBND tỉnh Quảng Bình, 2014.